| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN LONG BIÊN**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**<br>---<br>**Bản án: 121/2025/HNGĐ - ST**<br>**Ngày: 27/3/2025**<br>*V/v: Tranh chấp Xin ly hôn* | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>***Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***<br>---------- |

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN- TP HÀ NỘI

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**: Bà Trần Thu Hà**

Hội thẩm nhân dân**: Ông Nguyễn Văn Khanh, bà Nguyễn Thị Cúc**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà**: Bà Phạm Lệ Quyên** – Thư ký Toà án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà**: Bà Nguyễn T Hương** – Kiểm sát viên

Ngày 27/3/2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, phường Giang Biên, quận Long Biên, TP Hà Nội, Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 391/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2024 về việc "***Tranh chấp xin ly hôn***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 17/02/2025 và quyết định hoãn phiên toà số 07/2025/QĐST – HNGĐ ngày 07/3/2025 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thuỳ D** - sinh năm 1982

**Bị đơn: Anh Lê Văn T** – sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: số nhà 4B, ngõ 418, tổ 38 phố B, phường N, quận Long Biên, TP. Hà Nội

*(Chị D vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt)*

## NỘI D VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thuỳ D trình bày:**

Về mặt tình cảm: Chị Nguyễn Thị Thuỳ D và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2006 tại UBND Thị trấn K,

huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do mỗi người một tính cách, quan điểm sống không hợp. Mâu thuẫn đã kéo dài và đến nay chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hòa giải hàn gắn được. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết và xin được ly hôn.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Lê Nguyên A, sinh ngày 01/10/2008 và Lê Bảo U, sinh ngày 12/8/2012. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị D có chỗ ở ổn định và thu nhập 16.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và công nợ: chị D không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Đối với anh Lê Văn T:** Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, thông báo về quyền và nghĩa vụ cho anh T, triệu tập hợp lệ nhưng anh T không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án.

Tòa án đã xác minh tại Tổ dân phố số 38 phường N, quận Long Biên, TP. Hà Nội, nơi anh T và chị D đang sinh sống, thể hiện: Chị Nguyễn Thị Thuỳ D và anh Lê Văn T đang sinh sống tại số nhà 4B, ngõ 418, tổ 38 phố B, phường N, quận Long Biên, TP. Hà Nội. Quá trình chung sống anh chị mâu thuẫn từ thời gian nào và nguyên nhân mâu thuẫn là gì địa phương không biết do anh chị không thông báo với chính quyền địa phương. Nay chị D xin ly hôn với anh T, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung đề nghị toà án xem xét giải quyết để đảm bảo cuộc sống của các cháu.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà phát biểu**:

Toà án thụ lý giải quyết vụ án theo đúng quy định tại điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điều 19, điều 51, điều 56, điều 58, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu Xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thuỳ D đối với anh Lê Văn T.

+ Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Nguyên A, sinh ngày 01/10/2008 và Lê Bảo U, sinh ngày 12/8/2012. Giao hai cháu cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

+ Tài sản, công nợ: Không xem xét giải quyết.

+ Án phí: Chị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Lê Văn T đang sinh sống tại số nhà 4B, ngõ 418, tổ 38 phố B, phường N, quận Long Biên, TP. Hà Nội. Toà án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn**:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định tại Chương X của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị Thuỳ D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp quy định tại khoản 1 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Thuỳ D và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2006 tại UBND Thị trấn K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh), là hôn nhân hợp pháp. Theo chị D trình bày, sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do mỗi người một tính cách, quan điểm sống không hợp. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị D xác định tình cảm vợ chồng đã hết và xin được ly hôn. Anh T đã được tòa án triệu tập hợp lệ để hoà giải nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, không có quan điểm, thể hiện không có thiện chí muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm.

Các con của chị D và anh T đã có lời khai tại toà án thể hiện: chị D và anh T có nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân từ lâu. Anh chị không quan tâm đến nhau, việc ai người đấy làm.

Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung giữa chị D và anh T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thuỳ D với anh Lê Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

*** Về con chung**: Anh chị có 02 con chung là Lê Nguyên A, sinh ngày 01/10/2008 và Lê Bảo U, sinh ngày 12/8/2012.

Các cháu hiện nay đang sinh sống ổn định cùng mẹ và có nguyện vọng được tiếp tục sinh sống cùng mẹ để đảm bảo điều kiện học tập. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có quan điểm về việc nuôi và cấp dưỡng đối với con chung. Xét thấy hai cháu đang sinh sống ổn định cùng mẹ là chị Nguyễn Thị Thuỳ D. Chị D có thu nhập và chỗ ở ổn định; hai cháu có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cháu Nguyên A và Bảo U cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh T đối với chị D do chị D không yêu cầu là có căn cứ.

***Về tài sản chung và nợ chung:** anh T và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*** Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Thuỳ D phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

***Vì các lẽ trên:***

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147, điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

**Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thuỳ D. Chị Nguyễn Thị Thuỳ D được ly hôn với anh Lê Văn T.

**2. Về con chung**: Anh chị có 02 con chung là Lê Nguyên A, sinh ngày 01/10/2008 và Lê Bảo U, sinh ngày 12/8/2012. Sau khi ly hôn, chị D được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh T đối với chị D cho đến khi hai cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

**3. Về tài sản chung và công nợ:** không yêu cầu tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Thuỳ D phải chịu 300.000 đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí HNGĐ sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0051298 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, TP. Hà Nội.

**5. Về quyền kháng cáo**: Án xử công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận***:
*- TAND TP Hà Nội;*
*- VKSND quận Long Biên;*
*- Chi cục THADS quận Long Biên;*
*- UBND phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (nơi ĐKKH ngày 12/01/2006);*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ vụ án; VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thu Hà**